



Original Article

Management Measures for Physical Education Activities Based on the PDCA Approach at Vietnam National University, Hanoi

Nguyen Van Son*

VNU Physical Education and Sports Center, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 26th May 2026

Revised 04th September 2026; Accepted 22nd September 2026

Abstract: Physical Education in higher education plays an important role in developing students' physical competence, health literacy, self-training capacity, and active lifestyle. In the context of outcome-based education, the management of teaching activities in the Physical Education course needs to shift from administrative routine management to evidence-based quality management and continuous improvement. This article proposes management measures for teaching the Physical Education course under the competency-based approach at Vietnam National University, Hanoi, from the perspective of the PDCA cycle. The study employed a mixed-methods design, including document analysis, questionnaire surveys, interviews, pedagogical observation, and descriptive statistics. The survey sample was selected using a combination of stratified and purposive sampling, consisting of 638 participants, including 138 administrators and lecturers and 500 students from VNU member units. The results show that the teaching activities had positive foundations in terms of objectives and curriculum implementation, with mean scores of 3.94 and 3.89, respectively. However, limitations remained in learning organization forms ($M = 2.77$), assessment ($M = 2.96$), facilities, equipment, and the support mechanism for students' self-directed physical education. On that basis, the article proposes six interrelated management measures aligned with the PDCA cycle: curriculum development, lecturer training, resource assurance, renewal of learning activities, improvement of assessment, and establishment of a feedback-based improvement mechanism.

Keywords: Physical Education; teaching management; competency-based approach; PDCA; higher education; Vietnam National University Hanoi.

* Corresponding author.

E-mail address: son.nvgdtc@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5527>

Biện pháp quản lý hoạt động Giáo dục thể chất theo tiếp cận PDCA tại Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyễn Văn Sơn*

*Trung tâm Giáo dục Thể chất và Thể thao, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 26 tháng 5 năm 2026

Chỉnh sửa ngày 04 tháng 9 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 9 năm 2026

Tóm tắt: Giáo dục thể chất trong giáo dục đại học có vai trò quan trọng trong phát triển năng lực thể chất, hiểu biết về sức khỏe, năng lực tự rèn luyện và lối sống vận động tích cực của sinh viên. Trong bối cảnh đào tạo theo chuẩn đầu ra, quản lý hoạt động dạy học học phần Giáo dục thể chất cần chuyển từ quản lý nền nếp hành chính sang quản lý chất lượng dựa trên minh chứng và cải tiến liên tục. Bài viết đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động dạy học học phần Giáo dục thể chất theo tiếp cận năng lực tại Đại học Quốc gia Hà Nội từ chu trình PDCA. Nghiên cứu sử dụng thiết kế hỗn hợp, gồm phân tích tài liệu, điều tra bằng phiếu hỏi, phỏng vấn, quan sát sự phạm và thống kê mô tả. Mẫu khảo sát được chọn theo phương pháp phân tầng kết hợp chủ đích, gồm 638 người, trong đó có 138 cán bộ quản lý, giảng viên và 500 sinh viên thuộc các đơn vị của ĐHQGHN. Kết quả cho thấy hoạt động dạy học có nền tảng tích cực ở mục tiêu và chương trình (ĐTB = 3,94 và 3,89), nhưng còn hạn chế ở hình thức tổ chức học tập (ĐTB = 2,77), kiểm tra - đánh giá (ĐTB = 2,96), điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và cơ chế hỗ trợ tự giáo dục thể chất. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất sáu biện pháp quản lý liên kết theo PDCA: phát triển chương trình, bồi dưỡng giảng viên, bảo đảm nguồn lực, đổi mới hoạt động học tập, hoàn thiện đánh giá và xây dựng cơ chế phản hồi cải tiến.

Từ khóa: giáo dục thể chất; quản lý dạy học; tiếp cận năng lực; PDCA; giáo dục đại học; Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Mở đầu

Đổi mới giáo dục đại học theo định hướng phát triển năng lực người học là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đào tạo theo chuẩn đầu ra và bảo đảm chất lượng. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013) [1] nhấn mạnh chuyển quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển phẩm chất, năng lực người học; Bộ Chính trị (2025) [2], Quốc hội (2019) [3] và Quốc hội (2025) [4] tiếp tục khẳng định yêu cầu phát triển con người toàn diện, trong đó sức khỏe và thể chất giữ vai trò quan trọng. Đối với giáo dục thể chất (GDTC) trong nhà trường, Chính phủ

(2015) [5] quy định trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong tổ chức chương trình và bảo đảm các điều kiện thực hiện; Thủ tướng Chính phủ (2016) [6] xác định mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục thể chất, phát triển thể thao trường học và hình thành thói quen tập luyện cho học sinh, sinh viên. Ở trình độ đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015) [7] quy định chương trình môn học Giáo dục thể chất; Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021) [8] yêu cầu chương trình đào tạo được xây dựng, đánh giá và cải tiến trên cơ sở chuẩn đầu ra.

Về phương diện học thuật, đào tạo theo tiếp cận năng lực đòi hỏi sự thống nhất giữa chuẩn đầu ra, hoạt động dạy học và kiểm tra - đánh giá. Biggs (1996) [11] nhấn mạnh nguyên tắc liên kết giữa kết quả học tập dự kiến, hoạt động dạy học và đánh giá; Mulder và cộng sự (2007)

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: son.nvgdte@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5527>

[12], Frank và cộng sự (2010) [13] tiếp cận năng lực gắn với khả năng thực hiện nhiệm vụ trong những bối cảnh cụ thể. Trong GDTC, các nghiên cứu từ Bailey (2006) [14], UNESCO (2024) [15] đến Wong và cộng sự (2021) [16], Dudley và cộng sự (2022) [17], Su và Liu (2025) [18] cho thấy chất lượng GDTC không chỉ phụ thuộc vào nội dung hay kỹ thuật vận động mà còn liên quan đến cách tổ chức dạy học, điều kiện thực hiện, động cơ và sự tham gia của người học. Điều đó đặt ra yêu cầu quản lý học phần GDTC theo hướng liên kết các thành tố của quá trình dạy học với chuẩn đầu ra và cơ chế cải tiến chất lượng.

Tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2035, tầm nhìn 2045 được ban hành theo Quyết định số 6516/QĐ-ĐHQGHN năm 2025 [9], trong đó định hướng phát triển gắn với đổi mới sáng tạo, chất lượng đào tạo và phát triển người học. Đại học Quốc gia Hà Nội xác định Trung tâm Giáo dục Thể chất và Thể thao là đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ liên quan đến giảng dạy GDTC và tổ chức hoạt động thể thao. Với đặc điểm tổ chức đào tạo liên đơn vị và đối tượng sinh viên đa dạng, quản lý hoạt động dạy học học phần GDTC cần bảo đảm sự thống nhất từ mục tiêu, chương trình đến tổ chức thực hiện, kiểm tra - đánh giá và cải tiến. [10]

Từ yêu cầu đó, nghiên cứu tập trung đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp quản lý hoạt động dạy học học phần GDTC ở Đại học Quốc gia Hà Nội theo tiếp cận năng lực dựa trên chu trình PDCA (Plan - Do - Check - Act), qua đó góp phần tăng tính liên kết giữa chuẩn đầu ra, quá trình tổ chức dạy học, kiểm tra - đánh giá và cải tiến chất lượng.

2. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu về GDTC cho thấy đây là một bộ phận quan trọng của giáo dục, góp phần phát triển thể lực, kỹ năng vận động, nhận thức, cảm xúc, xã hội và lối sống tích cực của người học. Bailey (2006) [14] chỉ ra những đóng góp đa chiều của GDTC; UNESCO (2024) [15] nhấn mạnh chất lượng GDTC gắn với chính sách, chương trình, đội ngũ và các điều kiện

thực hiện. Wong và cộng sự (2021) [16] cho thấy thiết kế và tổ chức giờ học có ý nghĩa đối với mức độ hoạt động thể chất; Dudley và cộng sự (2022) [17] tổng hợp bằng chứng về tác động của các can thiệp GDTC đối với học tập và phát triển; Su và Liu (2025) [18] làm rõ vai trò của hỗ trợ từ giảng viên, động cơ và tự hiệu quả đối với sự tham gia thể thao của sinh viên. Từ các kết quả này, nghiên cứu xác định hoạt động dạy học học phần GDTC ở giáo dục đại học là quá trình tổ chức tương tác giữa giảng viên và sinh viên thông qua mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, hoạt động dạy - học, kiểm tra - đánh giá và các điều kiện bảo đảm nhằm đạt chuẩn đầu ra.

Theo OECD (2019) [27] và CEDEFOP (2022) [26], năng lực và kết quả học tập được thể hiện thông qua khả năng huy động, vận dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ để thực hiện nhiệm vụ trong những bối cảnh cụ thể. Trên cơ sở đó, tiếp cận năng lực trong nghiên cứu này được hiểu là định hướng tổ chức dạy học lấy sự hình thành và khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học làm căn cứ xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, tổ chức hoạt động và đánh giá kết quả. Đối với học phần GDTC, tiếp cận này đòi hỏi sinh viên không chỉ thực hiện kỹ thuật vận động mà còn biết vận dụng kiến thức rèn luyện, hình thành thái độ tích cực và phát triển khả năng tự rèn luyện.

Các nghiên cứu về tổ chức dạy học tiếp tục làm rõ cách thức chuyển định hướng năng lực vào thực tiễn. Hastie và Casey (2014) [29], Casey và MacPhail (2018) [22], Casey và cộng sự (2021) [23] cho thấy hiệu quả các mô hình dạy học GDTC phụ thuộc vào năng lực thiết kế môi trường học tập, tổ chức hoạt động và sử dụng minh chứng để cải tiến. Ennis (2017) [24] nhấn mạnh động cơ, ý nghĩa và sự tham gia hoạt động thể chất lâu dài; Kirk (2010) [25] đặt ra yêu cầu đổi mới GDTC trong bối cảnh giáo dục thay đổi. Trong kiểm tra - đánh giá, Black và William (2018) [19], Hattie và Timperley (2007) [20] và Penney và cộng sự (2009) [30] đều cho thấy đánh giá và phản hồi cần cung cấp thông tin để điều chỉnh dạy học và hỗ trợ sự tiến bộ của người học. Như vậy, dạy học GDTC theo tiếp cận năng lực đòi hỏi sự liên kết giữa

mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, hoạt động của người học, kiểm tra - đánh giá và các điều kiện bảo đảm.

Từ tổng hợp trên, nghiên cứu xác định quản lý hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức của chủ thể quản lý thông qua lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra - đánh giá, phản hồi và điều chỉnh các thành tố dạy học theo chuẩn đầu ra năng lực. Cách hiểu này cho thấy quản lý không chỉ nhằm duy trì việc thực hiện chương trình mà còn phải bảo đảm sự liên kết giữa các thành tố và sử dụng minh chứng để cải tiến chất lượng.

Để cụ thể hóa quá trình đó, nghiên cứu sử dụng chu trình PDCA làm khung quản lý. Samuel và Farrer (2025) [21] đề xuất tích hợp PDCA trong cải tiến liên tục và nâng cao chất lượng học thuật ở giáo dục đại học. Theo đó, Plan tập trung vào xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra, chương trình và kế hoạch; Do tổ chức thực hiện thông qua đội ngũ giảng viên, hoạt động học tập của sinh viên, phương pháp, hình thức và điều kiện dạy học; Check kiểm tra, giám sát và đánh giá mức độ thực hiện, mức độ đạt chuẩn đầu ra; Act sử dụng kết quả đánh giá và phản hồi để điều chỉnh và cải tiến. Như vậy, PDCA không thay thế các thành tố của hoạt động dạy học mà đóng vai trò liên kết chúng thành một chu trình quản lý và cải tiến liên tục.

Ở Việt Nam, Trần Văn Hưng và cộng sự (2024) [28] đã đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả GDTC ở đại học. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có chủ yếu xem xét từng phương diện của hoạt động GDTC hoặc đề xuất các biện pháp quản lý riêng lẻ; việc nghiên cứu quản lý hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực trên cơ sở liên kết các thành tố dạy học với chu trình PDCA còn chưa được làm rõ đầy đủ, đặc biệt trong bối cảnh Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ khoảng trống đó, nghiên cứu xác định hai nhóm nội dung khảo sát: i) Thực trạng hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực, gồm mục tiêu, chương trình - nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, kiểm tra - đánh giá và các điều kiện bảo đảm; ii) Thực trạng quản lý hoạt động dạy học theo bốn pha

Plan - Do - Check - Act. Khung này là căn cứ xây dựng công cụ khảo sát, phân tích thực trạng và đề xuất các biện pháp quản lý.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế hỗn hợp, kết hợp định lượng và định tính, trong đó điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chủ đạo; phỏng vấn bán cấu trúc, quan sát sự phạm và phân tích hồ sơ chuyên môn được sử dụng để kiểm chứng và giải thích sâu hơn kết quả định lượng. Nghiên cứu được thực hiện tại ĐHQGHN trong giai đoạn 2024–2026.

Mẫu khảo sát gồm 138 người, được lựa chọn theo hướng phân tầng kết hợp chủ đích, gồm 102 CBQL, 36 GV trực tiếp hoặc có liên quan đến quản lý, tổ chức dạy học GDTC. Việc lựa chọn nhằm thu thập thông tin từ các chủ thể quản lý và người dạy học.

Công cụ khảo sát được xây dựng từ cơ sở lý luận về dạy học GDTC theo tiếp cận năng lực và quản lý theo chu trình PDCA. Phiếu dành cho 138 CBQL, GV gồm: 44 item đánh giá hoạt động dạy học, gồm mục tiêu (5), chương trình - nội dung (4), phương pháp (11), hình thức tổ chức (8), kiểm tra - đánh giá (8), phương tiện và cơ sở vật chất (8); 40 item đánh giá quản lý, gồm quản lý mục tiêu (6), chương trình - nội dung (5), đội ngũ GV (4), hoạt động học tập và rèn luyện của SV (4), phương pháp - hình thức (5), cơ sở vật chất - thiết bị (6), kiểm tra - đánh giá (5), phản hồi - cải tiến (5). Các nội dung quản lý được quy về Plan (11 item), Do (19), Check (5), Act (5).

Các item sử dụng thang Likert 5 mức, mã hóa từ 1 đến 5 theo chiều tăng dần: 1 - rất thấp/không thực hiện; 2 - thấp/ít thực hiện; 3 - trung bình; 4 - cao/thực hiện tốt; 5 - rất cao/thực hiện rất tốt. Khoảng diễn giải ĐTB được xác định theo $((5-1)/5=0,8)$: 1,00–1,80 rất thấp; >1,80–2,60 thấp; >2,60–3,40 trung bình; >3,40–4,20 khá cao; >4,20–5,00 rất cao. Công cụ được 05 chuyên gia thẩm định nội dung, khảo sát thử trên 50 SV và kiểm định độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha; các thang đo đạt $\alpha = 0,76-0,88$.

Dữ liệu định tính được thu thập qua phỏng vấn 08 Cán bộ quản lý (CBQL) và 15 GV, mã

hóa CBQL1–CBQL8 và GV1–GV15; quan sát tập trung vào hoạt động GV, SV, phương pháp, hình thức, kiểm tra - đánh giá và điều kiện dạy học. Dữ liệu định lượng được xử lý bằng Excel và SPSS, sử dụng tần suất, điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và thứ hạng; dữ liệu định tính được mã hóa theo chủ đề và đối chiếu với kết quả định lượng nhằm làm rõ nguyên nhân và tăng độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động dạy học học phần GDTC ở ĐHQGHN có nền tảng thuận lợi về nhận thức, mục tiêu cốt lõi, chương trình, đội ngũ và nền nếp tổ chức. Tuy nhiên, mức độ thực hiện các thành tố của dạy học theo tiếp cận năng lực chưa đồng đều.

Bảng 1. Thực trạng hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực

Nội dung	ĐTB chung	Vấn đề quản lý đặt ra
Mức độ thực hiện mục tiêu dạy học	3,94	Cần cụ thể hóa mục tiêu năng lực thành tiêu chí, nhiệm vụ học tập và minh chứng đánh giá.
Mức độ thực hiện chương trình và nội dung dạy học	3,89	Cần tăng tính tích hợp, lựa chọn, trải nghiệm và gắn với tự rèn luyện.
Mức độ sử dụng phương pháp dạy học	3,55	Tăng phương pháp tích cực, hợp tác, tình huống, tự đánh giá.
Mức độ tổ chức các hình thức dạy học	2,77	Cần đa dạng hóa hình thức học tập, kết nối chính khóa - ngoại khóa - tự học có hướng dẫn.
Mức độ thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	2,96	Cần chuyển từ đánh giá kỹ thuật đơn lẻ sang đánh giá đa minh chứng theo năng lực.
Mức độ đáp ứng và sử dụng phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ dạy học	3,21	Ưu tiên nguồn lực, thiết bị, sân bãi và học liệu phục vụ dạy học hiện đại.

Kết quả Bảng 1 cho thấy hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực ở Đại học Quốc gia Hà Nội đã được triển khai nhưng mức độ thực hiện chưa đồng đều. Mục tiêu dạy học (ĐTB = 3,94) và chương trình, nội dung dạy học (ĐTB = 3,89) có mức thực hiện cao hơn. Tuy nhiên, CBQL6 nhận định: *“Việc dạy học GDTC hiện nay chủ yếu tập trung vào trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng vận động, trong khi các mục tiêu hình thành thói quen tự rèn luyện và kỹ năng xã hội cho sinh viên vẫn chưa được chú trọng đúng mức.”* Phỏng vấn về chương trình cho thấy các môn thể thao phổ biến được ưu tiên hơn nội dung vận động phức hợp. Như vậy, mục tiêu và chương trình đã tạo nền tảng, nhưng việc chuyển hóa thành nhiệm vụ học tập, trải nghiệm và tự rèn luyện chưa đồng bộ. Vì vậy, quản lý cần cụ thể hóa mục tiêu năng lực thành tiêu chí, nhiệm vụ học tập, minh chứng đánh giá và rà soát nội dung theo hướng tăng trải nghiệm.

Phương pháp dạy học đạt ĐTB = 3,55, còn hình thức tổ chức dạy học đạt ĐTB = 2,77, thấp nhất trong sáu thành tố. CBQL4 và CBQL5 cho rằng: *“Trong dạy học GDTC, giảng viên vẫn chủ yếu sử dụng các phương pháp truyền thống như thị phạm, luyện tập và sửa sai động tác; các phương pháp dạy học phát triển năng lực chưa được áp dụng nhiều.”* Phỏng vấn cũng cho thấy dạy học chủ yếu diễn ra chính khóa và theo nhóm; trực tuyến, dự án, cá nhân hóa và tình huống còn khó triển khai do đặc thù thực hành và quy mô lớp học. Điều này cho thấy đổi mới phương pháp chưa tạo được sự thay đổi đồng bộ về tổ chức dạy học. Do đó, quản lý cần hỗ trợ GV đổi mới phương pháp, đa dạng hóa hình thức và kết nối chính khóa với ngoại khóa, tự học và tự rèn luyện.

Kiểm tra - đánh giá đạt ĐTB = 2,96, là một trong những thành tố còn hạn chế. CBQL2 và CBQL5 cho rằng: *“Hoạt động kiểm tra, đánh giá trong GDTC hiện nay vẫn chủ yếu dựa vào quan sát và kiểm tra thực hành, các hình thức*

đánh giá theo tiếp cận năng lực chưa được triển khai nhiều. Kết quả này cho thấy đánh giá vẫn thiên về xác nhận kỹ năng vận động, trong khi đánh giá quá trình và minh chứng về sự tiến bộ, khả năng vận dụng, tự rèn luyện chưa được chú trọng tương xứng. Vì vậy, cần tăng đánh giá quá trình, tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và đa dạng hóa minh chứng để hỗ trợ điều chỉnh dạy học.

Phương tiện, cơ sở vật chất đạt ĐTB = 3,21, phản ánh điều kiện hiện có cơ bản duy trì hoạt động dạy học nhưng khả năng hỗ trợ đổi mới còn hạn chế. Phòng vấn CBQL cho thấy cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu, song việc khai thác và mở rộng nguồn lực vẫn cần được quan tâm. Vì vậy, quản lý cần gắn đầu tư với sử dụng hiệu quả sân bãi, thiết bị và học liệu.

Tổng hợp kết quả định lượng và định tính cho thấy hạn chế cốt lõi nằm ở khoảng cách giữa định hướng phát triển năng lực và cơ chế thực thi. Mục tiêu và chương trình đã có nền tảng, nhưng phương pháp, hình thức tổ chức, kiểm tra - đánh giá và điều kiện bảo đảm chưa đồng bộ. Do đó, quản lý cần đồng bộ hóa các thành tố dạy học theo chuẩn đầu ra năng lực và cải tiến liên tục

4.2. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học học phần giáo dục thể chất theo tiếp cận năng lực dựa trên chu trình PDCA

Kết quả Bảng 2 cho thấy quản lý hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực tại Đại học Quốc gia Hà Nội đã được triển khai trên các nội dung cơ bản của chu trình PDCA, nhưng mức độ thực hiện chưa đồng đều.

Sự phân hóa điểm số cho thấy vấn đề không nằm ở một khâu riêng lẻ mà ở tính liên kết của chu trình: nội dung thực hiện tốt chưa tạo tác động đầy đủ sang khâu yếu hơn, nhất là đổi mới phương pháp, sử dụng dữ liệu đánh giá và cải tiến sau phản hồi.

Ở pha Plan, quản lý mục tiêu và quản lý chương trình, nội dung cùng đạt ĐTB = 3,13. CBQL3 cho biết: “Nhà trường đã có những định hướng chung về mục tiêu phát triển năng lực cho sinh viên trong học phần Giáo dục thể chất, tuy nhiên việc cụ thể hóa ở từng học phần vẫn cần tiếp tục hoàn thiện”. CBQL1 và

CBQL4 cũng nhận định: “Mục tiêu dạy học theo năng lực đã được đề cập trong kế hoạch, nhưng việc triển khai cụ thể trong từng bài học và cách đánh giá mức độ đạt năng lực của sinh viên vẫn còn nhiều khó khăn.” Tuy nhiên, CBQL5, CBQL7 và CBQL8 cho rằng: “Việc kiểm tra, đánh giá nội dung giảng dạy đã được thực hiện, tuy nhiên vẫn chưa thường xuyên và chưa gắn chặt với yêu cầu phát triển năng lực người học.” Như vậy, Plan đã có định hướng và khung chương trình, nhưng chuẩn đầu ra chưa được chuyển hóa đầy đủ thành tiêu chí, nhiệm vụ và minh chứng quản lý. Vì vậy, cần rà soát chuẩn đầu ra, chương trình và mối liên kết mục tiêu - nội dung - phương pháp - đánh giá để tạo căn cứ cho các pha tiếp theo.

Ở pha Do, quản lý đội ngũ giảng viên đạt ĐTB = 3,09; quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên đạt 3,23; quản lý phương pháp, hình thức dạy học đạt 2,49; quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt 3,42. Một số CBQL cho biết: “Việc đảm bảo tác phong sư phạm và thời gian giảng dạy của giảng viên luôn được Trung tâm chú trọng nhằm duy trì nền nếp và chất lượng giờ học”. Tuy nhiên, một CBQL nhận xét: “*Hoạt động dự giờ chủ yếu mới dừng ở việc kiểm tra giờ dạy, chưa chú trọng nhiều đến đánh giá mức độ vận dụng phương pháp dạy học phát triển năng lực*”. Một số CBQL khác cho rằng: “*Các hoạt động học tập trên lớp được kiểm soát khá chặt chẽ, tuy nhiên việc tổ chức và quản lý rèn luyện ngoài giờ của sinh viên vẫn còn nhiều hạn chế*”. Đáng chú ý, quản lý phương pháp và hình thức có ĐTB thấp nhất. Một số CBQL cho biết: “*Việc đổi mới phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực đã được định hướng, tuy nhiên việc kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh quá trình thực hiện vẫn chưa được triển khai thường xuyên*”. Kết quả cho thấy Do còn thiên về duy trì nền nếp, chuyên cần và điều kiện tổ chức; trong khi quản lý đổi mới phương pháp, dự giờ chuyên môn và tự rèn luyện chưa tương xứng. Hàm ý quản lý là tập trung bồi dưỡng giảng viên, đổi mới hoạt động học tập và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Ở pha Check, kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học đạt ĐTB = 3,57, cao nhất trong tám nội dung. Tuy nhiên, một CBQL cho biết:

“Hoạt động kiểm tra, đánh giá đã được tổ chức định kỳ, nhưng việc tổng kết, rút kinh nghiệm và điều chỉnh sau đánh giá đôi khi chưa được chú trọng đúng mức.” Hạn chế của Check vì vậy không nằm ở thiếu kiểm tra mà ở việc sử dụng thông tin sau kiểm tra. Dữ liệu chưa được

chuyển hóa đầy đủ thành căn cứ điều chỉnh mục tiêu, chương trình, phương pháp và hoạt động học tập. Cần chuẩn hóa tiêu chí đánh giá theo năng lực, tăng đánh giá quá trình và sử dụng kết quả đánh giá làm dữ liệu cho quyết định cải tiến.

Bảng 2. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực dựa trên chu trình PDCA

Nội dung	ĐTB	Ý nghĩa quản lý
Quản lý mục tiêu hoạt động dạy học học phần GDTC	3,13	Cần chuyển từ chỉ đạo định hướng mục tiêu sang cụ thể hóa mục tiêu năng lực thành tiêu chí bài học, nhiệm vụ học tập và minh chứng đánh giá.
Quản lý xây dựng chương trình và nội dung dạy học học phần GDTC	3,13	Cần tăng cường quản lý thiết kế nội dung theo chuẩn năng lực, gắn nội dung trọng tâm với mở rộng, nâng cao, tự rèn luyện và kiểm tra thực hiện chương trình.
Quản lý đội ngũ giảng viên trong hoạt động dạy học học phần GDTC	3,09	Cần chuyển trọng tâm từ quản lý hành chính, tác phong, thời gian giảng dạy sang phát triển năng lực chuyên môn, phương pháp tích cực và dự giờ theo tiếp cận năng lực.
Quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên	3,23	Cần chuyển từ quản lý chuyên cần sang quản lý quá trình học tập, tự học, tự tập luyện, hợp tác trong giờ học và hoạt động rèn luyện ngoài giờ.
Quản lý sử dụng hình thức, phương pháp dạy học	2,49	Cần khắc phục điểm nghẽn trong kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh phương pháp; tăng quản lý việc áp dụng hình thức học tập tích cực, tình huống, hợp tác và tự đánh giá.
Quản lý sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học	3,42	Cần quản lý nguồn lực theo hướng khai thác phục vụ đổi mới dạy học; ưu tiên bồi dưỡng giảng viên sử dụng thiết bị, học liệu và mở rộng huy động nguồn lực.
Kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy học học phần GDTC	3,57	Cần chuyển từ lập kế hoạch, tổ chức kiểm tra sang sử dụng kết quả đánh giá để rút kinh nghiệm, điều chỉnh và cải tiến hoạt động dạy học.
Quản lý hoạt động phản hồi, điều chỉnh và cải tiến chất lượng dạy học	3,20	Cần hoàn thiện quy trình thu thập, phân tích phản hồi; tăng giám sát việc thực hiện điều chỉnh sau phản hồi và kiểm tra - đánh giá.

Ở pha Act, quản lý phản hồi, điều chỉnh và cải tiến đạt ĐTB = 3,20. Mức điểm này cho thấy phản hồi đã được quan tâm nhưng chưa hình thành cơ chế cải tiến khép kín. Nếu Check tạo dữ liệu nhưng Act không sử dụng hiệu quả, PDCA sẽ dừng ở kiểm tra mà chưa tạo cải tiến liên tục. Vì vậy, cần xây dựng cơ chế phản hồi đa chiều, quy định trách nhiệm xử lý và theo dõi hiệu quả cải tiến.

Tóm lược theo SWOT, điểm mạnh của hệ thống là mục tiêu và chương trình đã có định hướng, nền nếp giảng dạy được duy trì, kiểm tra tương đối ổn định và cơ sở vật chất được quan tâm. Điểm yếu là chuẩn đầu ra chưa được cụ thể hóa rõ, quản lý giảng viên còn thiên về hành chính, đổi mới phương pháp và hình thức chưa được kiểm tra thường xuyên, tự rèn luyện

ngoài giờ còn yếu, kết quả đánh giá chưa được khai thác đầy đủ và phản hồi chưa khép kín. Cơ hội đến từ yêu cầu đổi mới giáo dục đại học theo tiếp cận năng lực, bảo đảm chất lượng, ứng dụng công nghệ và tăng cường phối hợp liên đơn vị. Thách thức là đặc thù GDTC thiên về thực hành, lớp học đông, yêu cầu an toàn, nguồn lực chưa đồng đều và năng lực đổi mới của giảng viên còn khác nhau.

Trên cơ sở SWOT và các điểm nghẽn của từng pha, việc lựa chọn sáu biện pháp theo PDCA có căn cứ trực tiếp từ thực trạng. Pha Plan cần biện pháp rà soát, phát triển chương trình và chuẩn đầu ra vì hạn chế cốt lõi là mục tiêu năng lực chưa được thao tác hóa thành tiêu chí, nhiệm vụ và minh chứng. Pha Do cần ba biện pháp: bồi dưỡng năng lực dạy học cho giảng

viên; bảo đảm nguồn lực và điều kiện; đổi mới tổ chức hoạt động học tập, tự rèn luyện của sinh viên. Pha Check cần biện pháp kiểm tra, đánh giá và giám sát chất lượng nhằm khắc phục tình trạng kiểm tra có nền nếp nhưng chưa gắn chặt với chuẩn năng lực và chưa tạo đủ dữ liệu cho cải tiến. Pha Act cần cơ chế phản hồi, điều chỉnh và cải tiến liên tục để chuyển kết quả kiểm tra thành quyết định quản lý và tạo dữ liệu quay lại Plan.

Cách tổ chức biện pháp theo PDCA phù hợp với quản lý dạy học vì không tách rời mục tiêu, chương trình, giảng viên, sinh viên, phương pháp, điều kiện và kiểm tra - đánh giá, mà đặt chúng trong một chu trình liên tục. Plan xác lập chuẩn; Do tổ chức thực hiện; Check kiểm chứng mức độ đạt chuẩn; Act điều chỉnh trên cơ sở minh chứng. Đặc biệt, kiểm tra -

đánh giá không phải khâu kết thúc mà là cầu nối giữa thực hiện và cải tiến. Vì vậy, sáu biện pháp không phải các giải pháp rời rạc mà tạo thành hệ thống quản lý: kết quả Act trở thành dữ liệu cho Plan của chu kỳ tiếp theo, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa định hướng phát triển năng lực và cơ chế thực thi.

4.3. Đề xuất biện pháp quản lý theo chu trình PDCA

PDCA trong nghiên cứu này được sử dụng như chu trình bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục hỗ trợ quản lý hoạt động dạy học. Vì vậy, PDCA không được hiểu là khái niệm thay thế cho quản lý giáo dục, mà là khung quy trình giúp liên kết lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra - đánh giá và phản hồi cải tiến trong quản lý dạy học học phần GDTC.

Bảng 3. Đề xuất biện pháp quản lý hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực dựa trên chu trình PDCA

Giai đoạn PDCA	Biện pháp quản lý	Trọng tâm đổi mới	Chỉ số/KPI gợi ý
Plan	Xây dựng kế hoạch phát triển chương trình dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực	Rà soát chuẩn đầu ra, chương trình, ma trận mục tiêu - nội dung - phương pháp - đánh giá	Rà soát hằng năm; 100% đề cương có chuẩn đầu ra, tiêu chí đánh giá và nhiệm vụ tự rèn luyện; Giám đốc Trung tâm phê duyệt sau góp ý chuyên môn
Do	Tổ chức bồi dưỡng năng lực dạy học theo tiếp cận năng lực cho đội ngũ giảng viên GDTC	Phát triển năng lực thiết kế hoạt động, phương pháp tích cực, đánh giá năng lực, học liệu số	Tối thiểu 20-30 giờ bồi dưỡng/năm; 100% GV có kế hoạch bài dạy theo năng lực; đánh giá sau bồi dưỡng bằng hồ sơ và dự giờ
	Chỉ đạo bảo đảm nguồn lực và điều kiện cho hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực	Ưu tiên sân bãi, thiết bị, học liệu số, an toàn, y tế và môi trường rèn luyện	Ưu tiên đầu tư theo số SV, tần suất sử dụng, mức độ xuống cấp và yêu cầu môn học; kiểm kê 2 lần/năm
	Chỉ đạo đổi mới tổ chức hoạt động học tập cho sinh viên trong học phần GDTC theo tiếp cận năng lực	Kết nối chính khóa - ngoại khóa - câu lạc bộ - tự rèn luyện có hướng dẫn	100% học phần có nhiệm vụ tự rèn luyện; tăng tỷ lệ SV tham gia CLB/ngoại khóa; sử dụng nhật ký tập luyện hoặc minh chứng số
Check	Kiểm tra, đánh giá và giám sát chất lượng hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực	Đánh giá đa minh chứng, rubrics, quá trình, tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng	100% môn tự chọn có rubric; khảo sát phản hồi cuối học phần; đối sánh kết quả giữa các lớp
Act	Xây dựng cơ chế phản hồi, điều chỉnh và cải tiến liên tục chất lượng hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực	Thu thập, phân tích, xử lý phản hồi và chuẩn hóa cải tiến	Thu thập phản hồi giữa kỳ và cuối học phần; tổ chuyên môn xử lý ban đầu; Trung tâm quyết định cải tiến theo học kỳ

Trên cơ sở các vấn đề thực trạng đã được nhận diện, tác giả đề xuất hệ thống biện pháp quản lý hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực tại Đại học Quốc gia Hà Nội được thiết kế theo logic của chu trình PDCA, trong đó mỗi biện pháp đảm nhiệm một chức năng quản lý cụ thể nhưng có quan hệ chặt chẽ với các biện pháp còn lại.

Biện pháp 1 thuộc giai đoạn Plan, giữ vai trò định hướng và tạo nền tảng cho toàn bộ quá trình quản lý. Trung tâm Giáo dục Thể chất và Thể thao cần rà soát chương trình theo chu kỳ hằng năm, đối chiếu với chuẩn đầu ra, xác định các năng lực cần hình thành ở sinh viên, xây dựng ma trận mục tiêu - nội dung - phương pháp - đánh giá và ban hành kế hoạch phát triển chương trình sau khi có ý kiến của các tổ chuyên môn. Biện pháp này nhằm khắc phục tình trạng mục tiêu năng lực mới dừng ở tầng định hướng hoặc văn bản, chưa được chuyển hóa đầy đủ thành nhiệm vụ học tập, tiêu chí đánh giá và minh chứng năng lực cụ thể.

Biện pháp 2 thuộc giai đoạn Do, tập trung vào phát triển đội ngũ giảng viên - chủ thể trực tiếp tổ chức hoạt động dạy học. Nội dung bồi dưỡng cần bao gồm thiết kế bài học theo tiếp cận năng lực, vận dụng phương pháp dạy học tích cực, tổ chức học tập nhóm, đánh giá quá trình, xây dựng rubrics, sử dụng học liệu số và hỗ trợ sinh viên tự rèn luyện. Để bảo đảm tính thực chất, hoạt động bồi dưỡng cần được quy định về số giờ tối thiểu, sản phẩm đầu ra sau bồi dưỡng, dự giờ - góp ý chuyên môn và cơ chế ghi nhận kết quả đổi mới trong hoạt động giảng dạy.

Biện pháp 3 cũng thuộc giai đoạn Do, nhấn mạnh việc bảo đảm nguồn lực và điều kiện dạy học. Việc đầu tư, phân bổ và khai thác cơ sở vật chất, sân bãi, thiết bị, học liệu cần dựa trên các tiêu chí cụ thể như quy mô sinh viên, tần suất sử dụng sân bãi, mức độ xuống cấp, yêu cầu an toàn, đặc thù của từng môn thể thao và khả năng phục vụ hoạt động tự rèn luyện. Đây là biện pháp cần được ưu tiên, bởi thiếu cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại là một rào cản lớn đối với việc tổ chức GDTC theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và thúc đẩy năng lực tự giáo dục thể chất của sinh viên.

Biện pháp 4 thuộc giai đoạn Do, hướng tới đổi mới hoạt động học tập của sinh viên với tư cách là chủ thể của quá trình học tập và tự rèn

luyện. Giảng viên cần giao nhiệm vụ ngoài giờ, hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch rèn luyện cá nhân, sử dụng nhật ký tập luyện, video minh chứng, hoạt động nhóm và câu lạc bộ thể thao. Đồng thời, Trung tâm cần thiết lập cơ chế ghi nhận minh chứng tự rèn luyện trong đánh giá quá trình, qua đó chuyển quản lý học tập từ kiểm soát chuyên cần sang quản lý sự tiến bộ và năng lực tự rèn luyện của người học.

Biện pháp 5 thuộc giai đoạn Check, tập trung vào đổi mới kiểm tra - đánh giá và giám sát chất lượng hoạt động dạy học. Đánh giá cần chuyển từ kiểm tra kỹ thuật đơn lẻ sang đánh giá đa minh chứng, bao gồm kỹ thuật vận động, sự tiến bộ, thái độ học tập, năng lực hợp tác, năng lực tự rèn luyện và khả năng vận dụng. Việc kiểm tra, đánh giá không chỉ nhằm xác nhận kết quả học tập mà còn phải cung cấp dữ liệu để điều chỉnh phương pháp, nội dung, hình thức tổ chức và điều kiện bảo đảm dạy học.

Biện pháp 6 thuộc giai đoạn Act, có chức năng khép kín chu trình cải tiến chất lượng. Phản hồi cần được thu thập giữa kỳ và cuối học phần từ sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý và các bộ phận hỗ trợ. Tổ chuyên môn chịu trách nhiệm xử lý phản hồi ban đầu, phân loại vấn đề theo các nhóm: chương trình, phương pháp, kiểm tra - đánh giá, cơ sở vật chất và phối hợp quản lý; trên cơ sở đó, Trung tâm quyết định kế hoạch cải tiến theo từng học kỳ. Cơ chế này giúp kết quả kiểm tra, đánh giá không dừng ở việc phát hiện hạn chế, mà được chuyển hóa thành hành động điều chỉnh cụ thể, góp phần hình thành chu trình quản lý chất lượng liên tục trong dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực.

4.4. Kết quả khảo nghiệm về tính cần thiết và khả thi của các biện pháp

Kết quả khảo nghiệm ở Bảng 4 cho thấy các biện pháp quản lý đề xuất được đánh giá cao cả về tính cần thiết và tính khả thi. Điểm trung bình chung về tính cần thiết đạt 4,52, tính khả thi đạt 4,41, chứng tỏ hệ thống biện pháp có cơ sở thực tiễn, phù hợp với yêu cầu đổi mới quản lý dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực.

Trong các biện pháp, bồi dưỡng năng lực dạy học cho đội ngũ giảng viên GDTC có điểm cao nhất ở cả hai tiêu chí, với ĐTB cần thiết 4,80 và ĐTB khả thi 4,68. Điều này khẳng định

đội ngũ giảng viên là nhân tố then chốt quyết định hiệu quả chuyển hóa mục tiêu, chương trình và chuẩn đầu ra thành hoạt động dạy học cụ thể.

Các biện pháp về xây dựng kế hoạch, đổi mới tổ chức học tập, kiểm tra - đánh giá và phản hồi cải tiến đều đạt điểm cao, cho thấy hệ thống biện pháp có tính đồng bộ, bao quát các khâu cơ bản của quá trình quản lý dạy học. Riêng biện pháp bảo đảm nguồn lực và điều kiện dạy học có điểm thấp hơn, với ĐTB cần

thiết 4,30 và ĐTB khả thi 4,06, phản ánh việc triển khai còn phụ thuộc vào cơ chế đầu tư, cơ sở vật chất và phối hợp liên đơn vị.

Nhìn chung, kết quả khảo nghiệm khẳng định các biện pháp đề xuất có tính phù hợp, cần thiết và khả thi; đồng thời củng cố cơ sở thực chứng cho việc đổi mới quản lý hoạt động dạy học học phần GDTC theo hướng đồng bộ, dựa trên chuẩn đầu ra, nguồn lực, đánh giá và cải tiến liên tục.

Bảng 4. Kết quả khảo nghiệm của các biện pháp quản lý hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực dựa trên chu trình PDCA

TT	Biện pháp quản lý	Cần thiết ĐTB	Khả thi ĐTB
1	Xây dựng kế hoạch phát triển chương trình dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực	4,65	4,43
2	Tổ chức bồi dưỡng năng lực dạy học theo tiếp cận năng lực cho đội ngũ giảng viên GDTC	4,80	4,68
3	Chỉ đạo bảo đảm nguồn lực và điều kiện cho hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực	4,30	4,06
4	Chỉ đạo đổi mới tổ chức hoạt động học tập cho sinh viên trong học phần GDTC theo tiếp cận năng lực	4,55	4,36
5	Kiểm tra, đánh giá và giám sát chất lượng hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực	4,40	4,45
6	Xây dựng cơ chế phản hồi, điều chỉnh và cải tiến liên tục chất lượng hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực	4,42	4,48
ĐTB chung		4,52	4,41

5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy quản lý hoạt động dạy học học phần GDTC tại ĐHQGHN cần được nhìn nhận như một quá trình bảo đảm chất lượng tổng thể. Điểm mạnh hiện nay là nền tảng nhận thức, mục tiêu cốt lõi, chương trình và nền nếp tổ chức; điểm yếu nằm ở các nội dung phản ánh chiều sâu của tiếp cận năng lực như tự rèn luyện, hình thức học tập mở, đánh giá đa minh chứng, nguồn lực hiện đại và phản hồi cải tiến. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu quốc tế cho rằng hiệu quả GDTC phụ thuộc vào thiết kế giờ học, mức độ tham gia vận động, điều kiện dạy học và cơ chế đánh giá - phản hồi (Bailey, 2006 [14]; Wong và cộng sự, 2021[16]; Black và Wiliam, 2018 [19]; Hattie và Timperley, 2007 [20]).

Đóng góp chính của bài viết là tổ chức hệ thống biện pháp theo chu trình PDCA với tư

cách khung bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục. Khác với cách đề xuất biện pháp theo nhóm nội dung rời rạc, tiếp cận PDCA làm rõ chức năng của từng biện pháp: Plan định hướng chương trình và chuẩn đầu ra; Do triển khai đội ngũ, nguồn lực và hoạt động học tập; Check tạo dữ liệu đánh giá; Act chuyển dữ liệu thành cải tiến. Cách tiếp cận này đặc biệt phù hợp với ĐHQGHN do học phần GDTC có quy mô lớn, liên quan nhiều đơn vị và phụ thuộc mạnh vào điều kiện cơ sở vật chất.

Về hàm ý chính sách, ĐHQGHN và Trung tâm GDTC và Thể thao cần ưu tiên hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu phục vụ GDTC; xây dựng cơ chế phối hợp liên đơn vị; chuẩn hóa rubrics đánh giá theo năng lực; phát triển hệ thống phản hồi giữa kỳ và cuối học phần; đồng thời chuyển trọng tâm từ quản lý chuyên cần sang quản lý quá trình tự giáo dục

thể chất của sinh viên. Hạn chế của nghiên cứu là dữ liệu tập trung ở bối cảnh ĐHQGHN, vì vậy khả năng khái quát hóa sang các đại học khác cần được kiểm chứng thêm. Các nghiên cứu tiếp theo có thể đánh giá tác động của từng biện pháp đến năng lực thể chất, hành vi tự rèn luyện và sức khỏe của sinh viên theo thiết kế thực nghiệm dài hạn.

6. Kết luận

Bài viết đã đề xuất hệ thống biện pháp quản lý hoạt động dạy học học phần Giáo dục thể chất theo tiếp cận năng lực tại Đại học Quốc gia Hà Nội trên cơ sở vận dụng chu trình PDCA. Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động dạy học học phần GDTC đã có nền tảng nhất định về mục tiêu và chương trình, song còn bộc lộ những hạn chế ở hình thức tổ chức học tập, kiểm tra - đánh giá, điều kiện bảo đảm và cơ chế phản hồi, cải tiến. Đặc biệt, sự thiếu đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu và môi trường rèn luyện hiện đại là rào cản đáng kể đối với việc phát triển năng lực tự rèn luyện và nâng cao sức khỏe cho sinh viên.

Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất sáu biện pháp quản lý gồm: phát triển chương trình dạy học theo chuẩn đầu ra; bồi dưỡng năng lực dạy học cho đội ngũ giảng viên; bảo đảm nguồn lực và điều kiện dạy học; đổi mới tổ chức hoạt động học tập và tự rèn luyện của sinh viên; hoàn thiện kiểm tra - đánh giá; xây dựng cơ chế phản hồi, điều chỉnh và cải tiến liên tục. Các biện pháp có mối quan hệ logic, tác động bổ trợ lẫn nhau và cần được triển khai đồng bộ theo chu trình PDCA nhằm bảo đảm tính hệ thống, khả thi và bền vững trong quản lý dạy học GDTC.

Đóng góp học thuật của bài viết là làm rõ khả năng vận dụng PDCA như một chu trình bảo đảm chất lượng trong quản lý hoạt động dạy học học phần GDTC theo tiếp cận năng lực; đồng thời cụ thể hóa các biện pháp quản lý bằng trọng tâm đổi mới và định hướng triển khai. Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở tham khảo cho Trung tâm Giáo dục Thể chất và Thể thao, ĐHQGHN trong đổi mới quản lý học phần GDTC theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, gắn với phát triển năng lực tự rèn luyện và nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- [1] Central Committee of the Communist Party of Vietnam, Resolution No. 29-NQ/TW on Fundamental and Comprehensive Reform of Education and Training, Hanoi, 2013, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xi-nghi-quyet-so-29-nqtw-ngay-4112013-hoi-nghi-lan-thu-8-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-ve-doi-moi-can-ban-toan-584> (accessed on: May 9th, 2026) (in Vietnamese).
- [2] The Politburo, Resolution No. 71-NQ/TW on Breakthroughs in the Development of Education and Training, Hanoi, 2025, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-71-nqtw-ngay-2282025-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-giao-duc-va-dao-tao-1177> (accessed on: May 9th, 2026) (in Vietnamese).
- [3] National Assembly of Vietnam, Law on Education No. 43/2019/QH14, Hanoi, 2019, <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=197310&pageid=27160> (accessed on: May 9th, 2026) (in Vietnamese).
- [4] National Assembly of Vietnam, Law No. 123/2025/QH15 Amending and Supplementing a Number of Articles of the Law on Education, Hanoi, 2025, <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=216504&pageid=27160&typegroupid=3> (accessed on: May 9th, 2026) (in Vietnamese).
- [5] Government of Vietnam, Decree No. 11/2015/ND-CP on Physical Education and Sports Activities in Schools, Hanoi, 2015, <https://chinhphu.vn/default.aspx?docid=178843&pageid=27160> (accessed on: May 9th, 2026) (in Vietnamese).
- [6] Prime Minister of Vietnam, Decision No. 1076/QĐ-TTg Approving the Master Plan for the Development of Physical Education and School Sports for the 2016-2020 Period, with Orientation to 2025, Hanoi, 2016, <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=185061&pageid=27160> (accessed on: May 9th, 2026) (in Vietnamese).
- [7] Ministry of Education and Training, Circular No. 25/2015/TT-BGDĐT Regulating the Physical Education Course Curriculum in Undergraduate Training Programs, Hanoi, 2015, <https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=92460&Keyword=25/2015/TT-BGDĐT> (accessed on: May 9th, 2026) (in Vietnamese).
- [8] Ministry of Education and Training, Circular No. 17/2021/TT-BGDĐT on Training Program Standards; Development, Appraisal and Promulgation of Training Programs at Higher

- Education Levels, Hanoi, 2021, <https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=148535> (accessed on: May 9th, 2026) (in Vietnamese).
- [9] J. Biggs, Enhancing Teaching through Constructive Alignment, Higher Education, Vol. 32, No. 3, 1996, pp. 347-364, <https://doi.org/10.1007/BF00138871>.
- [10] M. Mulder, T. Weigel, K. Collins, The Concept of Competence in the Development of Vocational Education and Training in Selected EU Member States: A Critical Analysis, Journal of Vocational Education and Training, Vol. 59, No. 1, 2007, pp. 67-88.
- [11] J. R. Frank, R. Mungroo, Y. Ahmad, M. Wang, S. De Rossi, T. Horsley, Toward a Definition of Competency-Based Education in Medicine: A Systematic Review of Published Definitions, Medical Teacher, Vol. 32, No. 8, 2010, pp. 631-637, <https://doi.org/10.3109/0142159X.2010.500898>.
- [12] R. Bailey, Physical Education and Sport in Schools: A Review of Benefits and Outcomes, Journal of School Health, Vol. 76, No. 8, 2006, pp. 397-401, <https://doi.org/10.1111/j.1746-1561.2006.00132.x>.
- [13] UNESCO, Loughborough University, The Global State of Play: Report and Recommendations on Quality Physical Education, UNESCO, Paris, 2024, <https://doi.org/10.54678/GSKR7671>.
- [14] L. S. Wong, A. M. Gibson, A. Farooq, J. J. Reilly, Interventions to Increase Moderate-to-Vigorous Physical Activity in Elementary School Physical Education Lessons: Systematic Review, Journal of School Health, Vol. 91, No. 10, 2021, pp. 836-845, <https://doi.org/10.1111/josh.13070>.
- [15] D. Dudley, E. Mackenzie, P. Van Bergen, J. Cairney, L. Barnett, What Drives Quality Physical Education? A Systematic Review and Meta-Analysis of Learning and Development Effects From Physical Education-Based Interventions, Frontiers in Psychology, Vol. 13, 2022, Article 799330.
- [16] W. Su, Q. Liu, The Impact of Physical Education Teacher Support on Sport Participation among College Students: The Chain Mediating Effects of Physical Education Learning Motivation and Self-Efficacy, Frontiers in Psychology, Vol. 16, 2025, Article 1592753.
- [17] Vietnam National University, Hanoi, Decision No. 6516/QĐ-ĐHQGHN Promulgating the Development Strategy of Vietnam National University, Hanoi for the 2026-2035 Period, with a Vision to 2045, Hanoi, 2025, <https://vnu.edu.vn/ban-hanh-chien-luoc-phat-trien-dhqghn-giai-doan-2026-2035-tam-nhin-2045-doc2737.html> (accessed on: May 9th, 2026) (in Vietnamese).
- [18] Vietnam National University, Hanoi, Center for Physical Education and Sports: Functions and Organizational Information, Hanoi, 2016, <https://vnu.edu.vn/trung-tam-giao-duc-the-chat-va-the-thao-post79.html> (accessed on: May 9th, 2026) (in Vietnamese).
- [19] OECD, OECD Learning Compass 2030, OECD Future of Education and Skills 2030, Paris, 2019, <https://www.oecd.org/en/data/tools/oecd-learning-compass-2030.html> (accessed on: August 14th, 2026).
- [20] CEDEFOP, Defining, Writing and Applying Learning Outcomes: A European Handbook, 2nd ed., Publications Office of the European Union, Luxembourg, 2022.
- [21] P. A. Hastie, A. Casey, Fidelity in Models-Based Practice Research in Sport Pedagogy: A Guide for Future Investigations, Journal of Teaching in Physical Education, Vol. 33, No. 3, 2014, pp. 422-431, <https://doi.org/10.1123/jtpe.2013-0141>.
- [22] A. Casey, A. MacPhail, Adopting a Models-Based Approach to Teaching Physical Education, Physical Education and Sport Pedagogy, Vol. 23, No. 3, 2018, pp. 294-310.
- [23] A. Casey, A. MacPhail, H. Larsson, M. Quennerstedt, Between Hope and Happening: Problematising the M and the P in Models-Based Practice, Physical Education and Sport Pedagogy, Vol. 26, No. 2, 2021, pp. 111-122.
- [24] C. D. Ennis, Educating Students for a Lifetime of Physical Activity: Enhancing Mindfulness, Motivation, and Meaning, Research Quarterly for Exercise and Sport, Vol. 88, No. 3, 2017, pp. 241-250.
- [25] D. Kirk, Physical Education Futures, Routledge, London, 2010.
- [26] P. Black, D. Wiliam, Classroom Assessment and Pedagogy, Assessment in Education: Principles, Policy and Practice, Vol. 25, No. 6, 2018, pp. 551-575.
- [27] J. Hattie, H. Timperley, The Power of Feedback, Review of Educational Research, Vol. 77, No. 1, 2007, pp. 81-112.
- [28] D. Penney, R. Brooker, P. Hay, L. Gillespie, Curriculum, Pedagogy and Assessment: Three Message Systems of Schooling and Dimensions of Quality Physical Education, Sport, Education and Society, Vol. 14, No. 4, 2009, pp. 421-442.
- [29] S. Samuel, H. Farrer, Integrating the PDCA Cycle for Continuous Improvement and Academic Quality Enhancement in Higher Education, Journal of Comparative and International Higher Education, Vol. 17, No. 2, 2025, pp. 115-124.
- [30] T. V. Hung, L. A. Vinh, N. T. Hung, Some Management Measures to Improve the Effectiveness of Physical Education Activities at Tay Nguyen University, Vietnam Journal of Educational Sciences, Vol. 20, No. 8, 2024, pp. 79-86, <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410813> (in Vietnamese).